



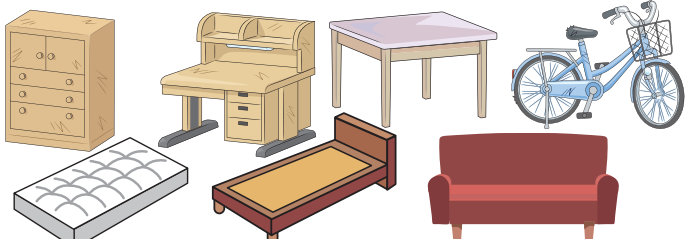
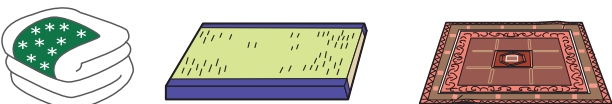
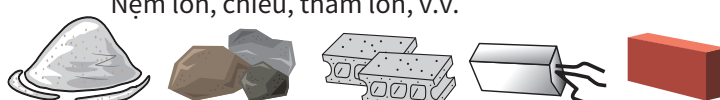
- | | | | | | | | |
|---|--|---|--|---|--|--|--|
| <p>Spray cans, fluorescent tubes etc.
스프레이캔류·형광등 등</p> | <p>喷雾罐类·荧光灯等
Bình xịt, bóng đèn huỳnh quang, v.v.</p> | <p>Put in a clear or semi-clear garbage bag.
투명 또는 반투명의 봉투에 넣는다
Cho vào túi nilon trong suốt hoặc túi mờ</p> | <p>Mercury thermometers
수은 온도계 등
수은을 사용하는 체온계 등
Nhiệt kế thủy ngân, v.v</p> | <p>Plastic Containers and Packaging
플라스틱제 용기포장</p> | <p>塑料制容器包装
Nhựa tái chế (Hộp đựng và bao bì nhựa)</p> | <p>Look for this mark. 有这个标志 이 마크가 있습니다
Những đồ vật có ký có ký hiệu này</p> | <p>Put in a clear or semi-clear garbage bag.
투명 또는 반투명의 봉투에 넣는다
Cho vào túi nilon trong suốt hoặc túi mờ</p> |
| <p>Fluorescent lights and bulbs
LED bulbs, LED fluorescent lights and glow switches are classified as non-burnable garbage.
형광등, LED 전구, LED 조명기구, 점등관은 불연속 소재에 속한다
Bóng đèn huỳnh quang và bóng đèn
LED bulbs, đèn huỳnh quang LED, tất cả là rác không cháy được</p> | <p>Gas cans, spray cans, etc.
Contents must be fully emptied prior to disposal. There is no need to open holes in spray cans.
가스 캔, 스프레이캔 등
모든 내용물을 완전히 비우고 배출한다
Bình gas, bình xịt, v.v.
Sử dụng hết, không đục lỗ trước khi vứt</p> | <p>Lighters
Empty the contents, rinse with water and then dispose.
라이터
사용 후 물로 헹구고 버린다
Bật lửa
Sử dụng hết, ngâm nước trước khi vứt</p> | <p>Buffer materials
완충재
Vật liệu đệm lót</p> | <p>Wash well and dry.
깨끗하게 씻고 말린다
Rửa sạch và phơi khô ráo</p> | <p>Plastic containers
Cốc nhựa</p> | <p>Bottles
Chai nhựa</p> | <p>Plastic packaging
Hộp đựng thực phẩm, hộp đựng đồ chơi, hộp đựng đồ dùng</p> |
| <p>Batteries, button cells, coin cells
See the back side for Small Rechargeable Batteries.
건전지, 단추전지, 코인전지
소형 충전식 배터리 등은 뒷면을 참조하십시오.
Pin khô, pin cúc áo, pin đồng xu
Đối với pin sạc nhỏ, vui lòng xem hướng dẫn ở mặt sau</p> | <p>Separate by type and dispose of using separate garbage bags.
각각의 종류별로 다른 봉투에 넣어서 버린다
Metal caps are non-burnable, cork and wood caps are burnable garbage, and plastic caps can be recycled.
금속제의 뚜껑은 불연속, 코르크나 목재의 뚜껑은 가연물, 플라스틱제 뚜껑은 플라스틱 재원으로 버린다
Nắp bằng kim loại thuộc loại rác không cháy được, nắp bằng nút bần hoặc gỗ thuộc loại rác cháy được, nắp nhựa thuộc loại nhựa tái chế.</p> | <p>Sheets, towels, etc.
Bed單, 毛巾等
시트, 타월 등
Ga trải giường, khăn tắm, v.v.</p> | <p>Plastic containers and packaging
플라스틱제 용기포장</p> | <p>Non-Burnable Garbage
태울 수 없는 쓰레기</p> | <p>不可燃垃圾
Rác không cháy được (Rác không đốt được)</p> | <p>Put in a city-designated garbage bag.
指定 有料 봉투에 넣는다
Cho vào túi rác có phí theo quy định</p> | <p>These types of objects can be disposed of if they fit in the 45L designated garbage bag.
45L의 지정 유료 쓰레기 봉투만 대략 넣으면 버릴 수 있다.
Chỉ được bỏ vào túi rác có phí theo quy định, kích thước 45 lít, để vứt nếu đủ chỗ vào túi.</p> |
| <p>Newspapers, flyers.
신문지, 전단지
Giấy báo, tờ rơi</p> | <p>Books, magazines, corrugated cardboard, etc.
책, 잡지, 골판지 등
Sách, tạp chí, thùng carton, v.v.</p> | <p>Clean clothes etc.
청소복 등
Quần áo sạch, v.v.</p> | <p>Paper bags, wrapping paper, etc.
종이봉투, 포장지 등
Túi giấy, giấy gói, v.v.</p> | <p>Ceramics, glass, etc.
도자기, 유리 등
Gốm sứ, thủy tinh, v.v.</p> | <p>Metals
금속류
Các loại kim loại</p> | <p>Dispose of slim and elongated objects that are no longer than 1 meter, such as golf clubs and umbrellas, by tying them together and placing them in a designated garbage bag.
골프 클럽, 우산 등의 길쭉한 것은 1m 이내라면 지정 유료 봉투로 묶어서 버릴 수 있다.
Gậy golf, ô và các vật dài khác có thể buộc cho vào túi rác có phí theo quy định để vứt nếu có chỗ đủ chỗ không quá 1m</p> | <p>Electric Fans
전기선풍기 등
Quạt điện, v.v.</p> |
| <p>Food and beverage containers
Bottles that contained oil can be disposed of as burnable garbage.
음식물 용기
기름이 들어 있던 용기는 가연물
Đồ đựng thức ăn và đồ uống
기름이 들어 있던 용기는 가연물
Đồ đựng dầu đã qua sử dụng là rác cháy được</p> | <p>Recycle plastic bottle caps and labels
병뚜껑과 라벨은 재활용 플라스틱
Nắp và nhãn là nhựa tái chế</p> | <p>Wash
깨끗하게 씻고
Rửa sạch</p> | <p>Crush
깨끗하게
Đập bẹp</p> | <p>Home appliances
Remove batteries and empty kerosene prior to disposal.
가전제품
전지 제거하고, 휘발유를 사용하는 가전제품은 다 쓰고 비워서 버린다
Đồ điện gia dụng
Tháo pin, đối với đồ điện sử dụng dầu hỏa, phải sử dụng hết và làm sạch trước khi vứt</p> | <p>Burnable Garbage
태울 수 있는 쓰레기</p> | <p>可燃垃圾
Rác cháy được (Rác đốt được)</p> | <p>Put in a city-designated garbage bag.
指定 有料 봉투에 넣는다
Cho vào túi rác có phí theo quy định</p> |
| <p>Cans and Glass Bottles
깡통·병</p> | <p>Food and beverage containers.
음식물 용기
Đồ đựng thức ăn và đồ uống</p> | <p>Wash
깨끗하게 씻고
Rửa sạch</p> | <p>Cans and bottles that contained oil, as well as cosmetic and medicine bottles are considered to be non-burnable garbage.
기름이 들어 있던 캔류와 병
Lọ và chai đựng dầu, mỹ phẩm, thuốc thuộc loại rác không cháy được</p> | <p>Food waste
음식물 쓰레기</p> | <p>Leather goods, rubber products
가죽제품, 고무제품</p> | <p>Wood products, etc.
목공제품 등
Đồ gỗ, v.v.</p> | <p>Use either an oil solidifier or absorb the oil with paper or cloth.
기름을 흡수하거나 기름을 흡수하는 종이나 천을 사용하십시오.
Đổ dầu thừa vào thùng chứa dầu hoặc thấm dầu bằng giấy, vải</p> |
| <p>Metal caps are non-burnable, cork and wood caps are burnable garbage, and plastic caps can be recycled.
금속제의 뚜껑은 불연속, 코르크나 목재의 뚜껑은 가연물, 플라스틱제 뚜껑은 플라스틱 재원으로 버린다
Nắp bằng kim loại thuộc loại rác không cháy được, nắp bằng nút bần hoặc gỗ thuộc loại rác cháy được, nắp nhựa thuộc loại nhựa tái chế.</p> | <p>Recycle plastic bottle caps and labels
병뚜껑과 라벨은 재활용 플라스틱
Nắp và nhãn là nhựa tái chế</p> | <p>Wash
깨끗하게 씻고
Rửa sạch</p> | <p>Crush
깨끗하게
Đập bẹp</p> | <p>Cat litter, Pet pee pads
고양이 모래·동물 시트
Cát vệ sinh cho mèo, tấm lót vệ sinh cho thú cưng</p> | <p>Plastic and vinyl products
플라스틱, 비닐류</p> | <p>Tree branches and plants can be placed in clear or semi-clear bags.
정돈된 가지나 화초는 투명하거나 반투명 봉투에 버릴 수 있다
Cành cây vụn, hoa cắt có thể cho vào túi trong suốt hoặc túi mờ để vứt</p> | <p>Suits, underwear, dirty clothes, blankets, etc.
의복, 속옷, 더러운 옷, 담요 등
Vest, đồ lót, quần áo bẩn, chăn, v.v.</p> |

Garbage that must not be disposed of at collection stations

不能放在垃圾站的垃圾

쓰레기 스테이션에 낼 수 없는 쓰레기

Rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác

Oversized and unusually large amounts of garbage	大件垃圾，一次性大量垃圾		
대형 쓰레기, 일시적 다량 쓰레기	Rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn		
 Large amounts of garbage from moving or cleaning. 大型家具或为搬家进行大扫除等产生的大量垃圾 대형 가구와 이사, 대청소 등으로 쏟아져 나온 쓰레기 Rác thải số lượng lớn phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng vệ sinh hay đồ nội thất lớn	 Large blankets, tatami mats, large carpets, etc. 厚被褥、榻榻米、地毯等 큰 이불이나 다다미, 큰 카펫 등 Nệm lớn, chiếu, thảm lớn, v.v.  Sand, rocks, Concrete blocks, Concrete fragments, bricks . 砂、石头、混凝土砌块、混凝土碎片、砖 모래, 돌, 콘크리트 블록, 콘크리트 파편, 벽돌 Cát, đá, khối bê tông, mảnh bê tông, gạch, v.v.		
These items can be collected for a fee or can be taken directly to the city garbage disposal facility. (Items from businesses excluded.) 可以选择收费回收或送至、市指定的处理中心。(除项目活动中产生的垃圾)。 유료 수집을 이용하거나, 시 처리 시설에 반입할 수 있습니다 (사업 활동에서 발생한 것은 제외). Có thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. (Không bao gồm rác thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh)			
Used Household Batteries	二手小型家电	Small Rechargeable Batteries	小型充电电池等
사용한 소형 가전	Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng	소형 충전식 전지 등	Pin sạc nhỏ, v.v.

Drop-off Bin for Small Household Electronic Waste 二手小家电回收箱 사용한 소형 가전 회수 박스 Hộp thu gom đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng digital cameras, electrical cords, phones, video cameras, etc. 数码相机、电源线、电话、摄像机等 디지털 카메라, 전원 코드, 전화기, 캠코더 등 Máy ảnh kỹ thuật số, dây sạc, điện thoại, máy quay phim, v.v. Limited to compact home appliances that can fit in the drop-off box (15cm×25cm). 仅限于可放入 (15cm×25cm) 的小型家电。 투입구 (15cm×25cm)에 들어가는 소형 가전에 한합니다. Chỉ thu gom các đồ điện gia dụng loại nhỏ có thể nhét vừa khe hộp (15cm ×25cm).	Drop-Off Bin for Small Rechargeable Batteries 小型充电电池等回收箱 소형 충전식 배터리 등 회수 박스 Hộp thu gom pin sạc nhỏ mobile batteries, heated tobacco products (HTP), lithium-ion batteries, electronic cigarettes, etc. 手机电池、加热香烟、锂离子电池、电子烟等 모바일 배터리, 가열식 담배, 리튬 이온 배터리, 전자 담배 등 Pin sạc dự phòng, thuốc lá dạng đốt nóng, pin lithium-ion, thuốc lá điện tử, v.v. Please cover rechargeable battery terminals with non-conductive tape such as plastic tape. 小型充电电池, 请在端部粘上胶带进行绝缘处理。 소형 충전식 전지는 단자 부분에 셀로판 테이프 등을 붙여 절연하십시오. Vui lòng dán băng dính hoặc vật liệu cách điện lên các cực của pin sạc nhỏ trước khi bỏ vào hộp.
Drop-off Locations 回收箱放置位置 회수박스 설치 장소 Vị trí đặt thùng thu gom City Hall Main Building (1F), All Municipal Branch Offices, Honkozaki Municipal Satellite Office, and Community Centers (Tobu, Seibu, Nanbu, and Minami Oita) 市役所本庁舎1楼、各支所、本神崎联络所、大分东部、大分西部、大分南部、南大分公民馆 시청 본청사 1층, 각 출장소, 혼간자키 연락소, 오이타 동부·오이타 서부·오이타 남부·미나미오이타 공민관 Tầng 1 Trụ sở chính Tòa Thị Chính, các chi nhánh, văn phòng liên lạc Honkozaki, Trung tâm cộng đồng (Tobu, Seibu, Nanbu và Minami Oita). Electronic waste can only be dropped off during business hours. 仅限政府办公日可以提供回收服务。 회수할 수 있는 날은 청사나 출장소등이 개청하고 있을 때만입니다. Chỉ thu gom khi các tòa nhà thị chính, chi nhánh mở cửa.	

Please contact the Waste Reduction Promotion Division (097-537-5687) with any questions.
※Consultation is available in Japanese only.
有不明白的地方请咨询垃圾减量推进课 (097-537-5687) ※只有日语对应工作人员。
불명확한 점은 쓰레기 감량 추진과 (097-537-5687)에 문의해 주시기 바랍니다. ※다만 일본어만 대응이 가능합니다.
Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ với Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải (097-537-5687).
*Chỉ tiếp nhận các cuộc gọi bằng tiếng Nhật.

Recyclable goods	可回收对象
재활용 대상품	Đối tượng tái chế
Televisions 电视机 텔레비전 Tivi Air conditioners 空调 에어컨 Điều hòa Washing machines 洗衣机 세탁기 Máy giặt Refrigerators 冰箱 냉장고 Tủ lạnh Computers 笔记本电脑 컴퓨터 Máy tính Clothes dryers 衣服类干燥机 의류 건조기 Máy sấy quần áo These items cannot be disposal of via paid collection service or at city garbage disposal facilities. 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。 유료 수집의 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다. Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Please consult the retail store, manufacturer, or Waste Reduction Promotion Division for information on disposal methods. 该类物品的处理、请咨询销售店铺、生产商或垃圾减量推进课。 판매점이나 업체, 또는 쓰레기 감량 추진과로 문의해 주시기 바랍니다. Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng, nhà sản xuất hoặc Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải.	

Dangerous goods	危険品等
위험물 등	Vật liệu nguy hiểm, v.v.
Tires 轮胎 타이어 Lốp xe Batteries 电池 배터리 Bình ắc quy Gas cylinders 天然気罐 가스통 Bình ga Paint, pesticides, etc. 涂料、农药等 도료, 농약 등 Sơn, thuốc trừ sâu, v.v. Fire extinguishers 灭火器 소화기 Bình cứu hỏa Household medical waste (Needles only) 家庭用过的医疗废弃物 (仅限注射针管) 가정에서 사용한 의료계 폐기물 (주사기 만) Chất thải y tế gia đình (chỉ kim tiêm) These items cannot be disposed of via paid collection service or at city garbage disposal facilities. 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。 유료 수집이 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다. Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Please consult the retail store where the item was purchased. 该类物品的处理、请咨询销售店铺。 이러한 처분에 대해서는 판매점에 상담해 주십시오. Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng.	

Dead Animal Collection	狗、猫等动物尸体	개, 고양이 등의 시체	Thu gom xác động vật như chó, mèo	Waste Disposal Service Division TEL 097-568-5763	Paid Collection	收费回收	유료수집	Thu gom rác trả phí
Dead pets, such as dogs or cats, are collected for a fee, however, dead wild animals are collected free of charge. Please contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only. 家庭饲养的狗、猫等动物尸体可进行收费回收。但是,野外的狗、猫、小动物的尸体可免费回收。 详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。 가정에서 기르던 개, 고양이 등은 유료로 수집합니다. 다만, 야생의 개, 고양이, 소동물은 무료로 수집합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Chúng tôi thu gom xác chó, mèo nuôi trong nhà có tính phí. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ thu gom miễn phí xác chó, mèo hoang và các động vật nhỏ khác. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.				清扫业务课 TEL 097-568-5763 청소업무과 TEL 097-568-5763 Phòng Nghiệp vụ Vệ sinh TEL 097-568-5763	It is possible to pay to have oversized garbage or large amounts of garbage picked up for disposal. Contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only. 如果以家庭为单位进行大件垃圾或一次性大量垃圾回收,是由市政府进行收费回收。详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。 대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기의 호별 수집을 희망하는 경우는, 시는 유료로 수집을 실시합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Nếu bạn có nhu cầu thu gom rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn tại nhà, thành phố sẽ cung cấp dịch vụ thu gom rác có tính phí. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.			

Bringing garbage to the disposal facility	将垃圾送至处理中心	쓰레기 처리 시설에 반입	Mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải	Waste Disposal Facilities Division TEL 097-537-5659	清扫设施课 TEL 097-537-5659
It is possible to bring oversized and large amounts of garbage directly to disposal facilities. Please contact the Waste Disposal Facilities Division (097-537-5659) for further information. Consultation is available in Japanese only. 大件垃圾一次性大量垃圾可以送至、本市的处理中心。详情请咨询清扫业务课 (097-537-5659) 但是,只有日语对应工作人员。 대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기는 스스로 시의 처리 시설에 반입할 수 있습니다. 자세한 것은, 청소 시설과 (097-537-5659)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다. Người dân có thể tự mang rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn đến các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Cơ sở Vệ Sinh (097-537-5659). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.				청소시설과 TEL 097-537-5659	Phòng Cơ sở Vệ Sinh TEL 097-537-5659

福岡環境センター
Fukumune Waste Disposal Center
福宗环境中心

所在地：大分市大字福宗618番地
Fukumune Waste Disposal Center (Onizaki Landfill, Recycling Plaza) Address: 618, Oaza-Fukumune, Oita City
福宗环境中心(鬼崎埋立場)可回收再利用广场 地址：大分市大字福宗618番地
후쿠무네 환경 센터(오니자키 매립장, 리사이클 플라자) 주소: 오이타시 오아자 후쿠무네 618번지
Địa chỉ: 618 Oaza-Fukumune, Thành phố Oita

佐野清掃センター
Sano Waste Disposal Center
佐野清扫中心

所在地：大分市大字佐野3400番地の10
Sano Waste Disposal Center Address: 10, 3400, Oaza-Sano, Oita City
佐野清扫中心 地址：大分市大字佐野3400番地10
사노 청소센터 주소: 오이타시 오아자 사노 3400번지 10
Địa chỉ: 3400-10 Oaza-Sano, Thành phố Oita

Android iOS (iPhone等)

Оita City Official App provides information on garbage disposal and collection.

下載大分市官方APP可查询垃圾分类·投放等信息。

오이타시 공식 앱으로 쓰레기 분리·수집에 관한 정보를 얻을 수 있습니다.

Không hỗ trợ tiếng Việt.